

Số: 457/TB-VOSCO

Hải Phòng, ngày 14 tháng 9 năm 2026

THÔNG BÁO
Về việc lựa chọn Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản

Căn cứ Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 ngày 17/11/2016;

Căn cứ Luật số 37/2024/QH15 ngày 27 tháng 6 năm 2024, sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản;

Căn cứ Thông tư số 19/2024/TT-BTP ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đấu giá Tài sản số 01/2016 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 37/2014/QH15.

Công ty cổ phần Vận tải biển Việt Nam (VOSCO) là đơn vị có tài sản đấu giá xin thông báo về việc lựa chọn Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản gồm các nội dung như sau:

1. Thông tin về người có tài sản đấu giá

- Công ty cổ phần Vận tải biển Việt Nam (VOSCO) là công ty cổ phần, Tổng công ty Hàng hải Việt Nam – CTCP (VIMC) giữ 51% vốn điều lệ.
- Địa chỉ: số 215, Lạch Tray, Phường Gia Viên, Thành phố Hải Phòng
- Điện thoại: 0225 3731033

2. Thông tin về tài sản bán đấu giá

Tên tài sản: 02 lô tài sản đã qua sử dụng

2.1. Lô số 1

- Tài sản thanh lý là 205 vỏ container kín gồm 100 chiếc loại 20 feet DC và 105 chiếc loại 40 feet HC.

- Tình trạng tài sản: toàn bộ container đã qua sử dụng
- Năm sản xuất: 2008, 2009
- Hãng sản xuất: Vinashin-TGC, Việt Nam

2.2. Lô số 2

- Tài sản thanh lý là 01 chân vịt thu hồi từ tàu biển
- Tình trạng tài sản: đã qua sử dụng

3. Giá khởi điểm dự kiến của tài sản đấu giá (làm cơ sở chào giá dịch vụ)

3.1. Lô số 1

- Tài sản thanh lý là 205 vỏ container kín gồm 100 chiếc loại 20 feet DC và 105 chiếc loại 40 feet HC.

- Giá khởi điểm dự kiến bán cả lô 205 vỏ container là **3.777.800.000 đ (Ba tỷ bảy trăm bảy mươi bảy triệu tám trăm nghìn đồng chẵn)**

(Giá đã bao gồm thuế GTGT. Đây là giá bán tại chỗ, bàn giao tại địa điểm đặt container, không bao gồm chi phí nâng container từ vị trí đặt cont lên phương tiện vận chuyển của Bên mua, không bao gồm các loại phí khác, nếu có)

3.2. Lô số 2

- Tài sản thanh lý là 01 chân vịt thu hồi từ tàu biển

- Giá khởi điểm dự kiến của tài sản là **1.400.000.000 đ (Một tỷ bốn trăm triệu đồng chẵn đồng chẵn)**

(Giá đã bao gồm thuế GTGT. Đây là giá bán tại chỗ, bàn giao tại địa điểm đặt tài sản, không bao gồm các loại phí khác, nếu có)

3.3. Giá khởi điểm dự kiến của tài sản đấu giá là cơ sở để tính thù lao dịch vụ và chi phí đấu giá tài sản. Giá khởi điểm của tài sản đấu giá sẽ được ghi trên Hợp đồng dịch vụ đấu giá nhưng không thấp hơn giá khởi điểm dự kiến.

4. Hình thức áp dụng bán đấu giá tài sản: theo Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 ngày 17/11/2016; Luật số 37/2024/QH15 ngày 27 tháng 6 năm 2024, sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản; đảm bảo tính pháp lý và các quy định của pháp luật trong quá trình đấu giá.

5. Tiêu chí lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản

Theo quy định tại Thông tư số 19/2024/TT-BTP ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Bộ Tư pháp, gồm các nhóm tiêu chí sau:

- Có tên trong danh sách các tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố;
- Nhóm tiêu chí về cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết đảm bảo cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá;
- Nhóm tiêu chí về phương án đấu giá khả thi, hiệu quả;
- Nhóm tiêu chí về năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức đấu giá tài sản;
- Nhóm tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định.

Bảng tiêu chí đánh giá, chấm điểm tổ chức hành nghề đấu giá tài sản
(Theo Thông tư số 19/2024/TT-BTP ngày 31/12/2024 của Bộ Tư pháp)

TT	NỘI DUNG	MỨC TỐI ĐA
I	Có tên trong danh sách các tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	
1.	Có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Đủ điều kiện
2.	Không có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Không đủ điều kiện
II	Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá	19
1.	Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đấu giá	10
1.1	Có địa chỉ trụ sở ổn định, rõ ràng (số điện thoại, địa chỉ thư điện tử...), trụ sở có đủ diện tích làm việc	5
1.2	Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, thuận tiện	5
2.	Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá	5
2.1	Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại trụ sở tổ chức hành nghề đấu giá tài sản khi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá (có thể được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)	2
2.2	Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi tổ chức phiên đấu giá (được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)	3
3.	Có trang thông tin điện tử của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản đang hoạt động ổn định, được cập nhật thường xuyên Đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì dùng Trang thông tin điện tử độc lập hoặc Trang thông tin thuộc Cổng Thông tin điện tử của Sở Tư pháp	2
4.	Có Trang thông tin đấu giá trực tuyến được phê duyệt hoặc trong năm trước liền kề đã thực hiện ít nhất 01 cuộc đấu giá bằng hình thức trực tuyến	1
5.	Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá	1
III	Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả (Thuyết minh đầy đủ các nội dung trong phương án)	16
1.	Phương án đấu giá đề xuất được hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả cao	4
1.1	Hình thức đấu giá khả thi, hiệu quả	2
1.2	Bước giá, số vòng đấu giá khả thi, hiệu quả	2
2.	Phương án đấu giá đề xuất việc bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, khả thi, thuận tiện (địa điểm, phương thức bán, tiếp nhận hồ sơ)	4

3.	Phương án đấu giá đề xuất được đối tượng và điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với tài sản đấu giá	4
3.1	Đối tượng theo đúng quy định của pháp luật	2
3.2	Điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với quy định pháp luật áp dụng đối với tài sản đấu giá	2
4.	Phương án đấu giá đề xuất giải pháp giám sát việc tổ chức đấu giá hiệu quả; chống thông đồng, dìm giá, bảo đảm an toàn, an ninh trật tự của phiên đấu giá	4
IV	Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản	57
1.	Tổng số cuộc đấu giá đã tổ chức trong năm trước liền kề (bao gồm cả cuộc đấu giá thành và cuộc đấu giá không thành) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	15
1.1	Dưới 20 cuộc đấu giá	12
1.2	Từ 20 cuộc đấu giá đến dưới 40 cuộc đấu giá	13
1.3	Từ 40 cuộc đấu giá đến dưới 70 cuộc đấu giá	14
1.4	Từ 70 cuộc đấu giá trở lên	15
2.	Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	7
2.1	Dưới 10 cuộc đấu giá thành (bao gồm cả trường hợp không có cuộc đấu giá thành nào)	4
2.2	Từ 10 cuộc đấu giá thành đến dưới 30 cuộc đấu giá thành	5
2.3	Từ 30 cuộc đấu giá thành đến dưới 50 cuộc đấu giá thành	6
2.4	Từ 50 cuộc đấu giá thành trở lên	7
3.	Tổng số cuộc đấu giá thành có chênh lệch giữa giá trúng so với giá khởi điểm trong năm trước liền kề (Người có tài sản không yêu cầu nộp hoặc cung cấp bản chính hoặc bản sao hợp đồng, quy chế cuộc đấu giá và các tài liệu có liên quan) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	7
3.1	Dưới 10 cuộc (bao gồm cả trường hợp không có chênh lệch)	4
3.2	Từ 10 cuộc đến dưới 30 cuộc	5
3.3	Từ 30 cuộc đến dưới 50 cuộc	6
3.4	Từ 50 cuộc trở lên	7
4.	Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên (Người có tài sản đấu giá không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng) Người có tài sản chấm điểm theo cách thức dưới đây. Trường hợp kết quả điểm là số thập phân thì được làm tròn đến hàng phần trăm. Trường hợp số điểm của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản dưới 1 điểm (bao gồm cả trường hợp 0 điểm) thì được tính là 1 điểm.	3

4.1	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (A) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên nhiều nhất (Y cuộc) thì được tối đa 3 điểm	3
4.2	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (B) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề (U cuộc) thì số điểm được tính theo công thức: Số điểm của B = $(U \times 3)/Y$	
4.3	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (C) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề tiếp theo (V cuộc) thì số điểm được tính tương tự theo công thức nêu trên: Số điểm của C = $(V \times 3)/Y$	
5.	Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản được thành lập trước ngày Luật đấu giá tài sản có hiệu lực) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	7
5.1	Có thời gian hoạt động dưới 05 năm	4
5.2	Có thời gian hoạt động từ 05 năm đến dưới 10 năm	5
5.3	Có thời gian hoạt động từ 10 năm đến dưới 15 năm	6
5.4	Có thời gian hoạt động từ 15 năm trở lên	7
6.	Số lượng đấu giá viên của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	4
6.1	01 đấu giá viên	2
6.2	Từ 02 đến dưới 05 đấu giá viên	3
6.3	Từ 05 đấu giá viên trở lên	4
7.	Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên là Giám đốc Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc của Công ty đấu giá hợp danh, Giám đốc doanh nghiệp tư nhân (Tính từ thời điểm được cấp Thẻ đấu giá viên theo Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18/01/2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc đăng ký danh sách đấu giá viên tại Sở Tư pháp theo Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc Thẻ đấu giá viên theo Luật đấu giá tài sản hoặc thông tin về danh sách đấu giá viên trong Giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đấu giá tài sản)	4
7.1	Dưới 05 năm	2
7.2	Từ 05 năm đến dưới 10 năm	3
7.3	Từ 10 năm trở lên	4
8.	Kinh nghiệm của đấu giá viên hành nghề Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	5
8.1	Không có đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên	3

8.2	Có từ 01 đến 03 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên	4
8.3	Có từ 4 đấu giá viên trở lên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên	5
9.	Số thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc khoản tiền nộp vào ngân sách Nhà nước đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản trong năm trước liền kề, trừ thuế giá trị gia tăng (Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp trong báo cáo tài chính và số thuế thực nộp được cơ quan thuế xác nhận bằng chứng từ điện tử; đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì có văn bản về việc thực hiện nghĩa vụ thuế với ngân sách Nhà nước)	5
9.1	Dưới 50 triệu đồng	3
9.2	Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng	4
9.3	Từ 100 triệu đồng trở lên	5
V	Tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định	4
1	Đã tổ chức đấu giá thành công tài sản cùng loại với tài sản đưa ra đấu giá - Tài sản cùng loại được phân theo cùng một điểm quy định tại khoản 1 Điều 4 Luật đấu giá tài sản được sửa đổi bổ sung theo khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đấu giá tài sản	3
2	Đã từng ký kết Hợp đồng đấu giá tài sản với người có tài sản đấu giá	1
Tổng số điểm		96

6. Hồ sơ đăng ký tham gia

- Hồ sơ năng lực;
- Mức phí cung cấp cho toàn bộ dịch vụ (phí ghi rõ đã bao gồm VAT)
- Các văn bản pháp lý có liên quan.

Các đơn vị có nguyện vọng tham gia cung cấp dịch vụ nêu trên, đề nghị gửi cho Vosco 01 bộ Hồ sơ (phong bì dán kín) theo tiêu chí ở mục 5 trên đây. Địa chỉ nhận Hồ sơ:

- Phòng Kế hoạch Tổng hợp, Công ty cổ phần Vận tải biển Việt Nam
- Số 215, Lạch Tray, P. Gia Viên, TP. Hải Phòng
- Người liên hệ: Ông Vũ Trường Thọ
- Điện thoại: 0915 034 939

Thời hạn nhận Hồ sơ: trước 17h00 ngày 21/9/2026.

Sau khi lựa chọn được tổ chức đấu giá tài sản, Công ty cổ phần Vận tải biển Việt Nam sẽ thông báo kết quả trên Cổng thông tin đấu giá quốc gia (<https://dgts.moj.gov.vn>).

Công ty sẽ không hoàn trả lại Hồ sơ cho các đơn vị tham gia chào dịch vụ mà không được Công ty lựa chọn.

Trân trọng kính chào.

Nơi nhận:

- Cổng thông tin điện tử quốc gia về ĐGTS;
- Lưu: VT, KHTH.

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Quang Minh